

Phụ lục II
GIÁ CỤ THỂ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH

(Kèm theo Nghị quyết số 596/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:			Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;				Ngày giường điều trị ban ngày
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Di ứng (đối với bệnh nhân di ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	928.100	558.600	305.500	273.800	232.900	400.400	364.400	320.700	286.700	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
3	Bệnh viện Nhi	928.100	558.600	305.500	273.800	232.900	400.400	364.400	320.700	286.700	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
2	Bệnh viện Phụ Sản	928.100	558.600	305.500	273.800		400.400	364.400	320.700	286.700	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
4	Bệnh viện Ung Bướu	799.600	418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
8	Bệnh viện Phổi	928.100	558.600	305.500	273.800	232.900	400.400	364.400	320.700	286.700	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:			Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;				Ngày giường điều trị ban ngày
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dự ứng (đối với bệnh nhân dự ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 2: Các Khoa: Cơ Xương-Khớp, Da liễu, Dự ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
9	Bệnh viện Tâm thần		558.600	305.500	273.800	232.900					Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
5	Bệnh viện Mắt		418.500		222.300		341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
6	Bệnh viện Nội tiết	799.600	418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
7	Bệnh viện Da Liễu				222.300						Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
10	Bệnh viện Y dược cổ truyền		418.500		222.300	177.300		301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
11	Bệnh viện Phục hồi chức năng					177.300					Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
12	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc		558.600	305.500	273.800	232.900	400.400	364.400	320.700	286.700	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
13	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:			Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;				Ngày giường điều trị ban ngày
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dự ứng (đối với bệnh nhân dự ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 2: Các Khoa: Cơ Xương-Khớp, Da liễu, Dự ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
14	Bệnh viện đa khoa Thành phố Thanh Hóa		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
15	Bệnh viện đa khoa Thành phố Sầm Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
16	Bệnh viện đa khoa Thị xã Bim Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
17	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
18	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
19	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
20	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
21	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:			Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;				Ngày giường điều trị ban ngày
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dự ứng (đối với bệnh nhân dự ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 2: Các Khoa: Cơ Xương-Khớp, Da liễu, Dự ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
22	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
24	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
23	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
25	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
26	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
27	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
28	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
30	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:			Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;				Ngày giường điều trị ban ngày
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Di ứng (đối với bệnh nhân di ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 2: Các Khoa: Cơ Xương-Khớp, Da liễu, Di ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
29	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
31	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
32	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
33	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
34	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
35	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
36	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
37	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

STT	Đơn vị	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày giường bệnh Nội khoa:			Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;				Ngày giường điều trị ban ngày
				Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dự ứng (đối với bệnh nhân dự ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dự ứng, Tai - Mũi -Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc/ Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 3: Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	Loại 1 : Sau các phẫu thuật đặc biệt; Bồng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bồng độ 3-4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bồng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bồng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bồng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
38	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân		418.500	257.100	222.300	177.300	341.800	301.600	269.200	229.200	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
39	Ngày, giường, trạm Y tế xã	78.100									
40	Ngày, giường phòng khám đa khoa khu vực	78.100									